TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 của người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Đức S, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số C đường C, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là số C đường C, tổ D, phường C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số C đường C, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là số C đường C, tổ D, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D kết H vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018, đăng ký ngày 16/4/2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D sống tại địa chỉ: Số C đường C, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là số C đường C, tổ D, phường C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng đã hết tình cảm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả gây ảnh hưởng đến con cái. Hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn kéo dài. Từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D .

[2] *Về con chung:* Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày: 03/5/2018 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Đức S phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2025 và vào ngày 05 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Đức S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Nguyễn Đức S phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình* là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0009927 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng).

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 07 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018, đăng ký ngày 16/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Đồng Nai)

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày: 03/5/2018 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Đức S phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2025 và vào ngày 05 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Đức S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Nguyễn Đức S phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D xác định vợ chồng không có.

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0009927 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- UBND xã Bình Tân;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Kiều Trang